



I. VĂN BẢN “TỨC CẢNH PÁC BÓ” – HỒ CHÍ MINH

1a. Những chi tiết miêu tả cuộc sống của Bác ở Pác Bó:

- Nhịp điệu sống: các cặp từ trái nghĩa *sáng-tối, ra-vào* ⇒ tuần hoàn, nhịp nhàng, đều đặn.

- Không gian, thời gian: *bờ suối-hang, sáng-tối*, cuộc sống nơi sơn cùng thủy tận, thanh vắng.

- Đồ dùng sinh hoạt:

+ đồ ăn: *cháo bẹ, rau măng*, giản dị, đạm bạc.

+ chỗ làm việc: *bàn đá chông chênh*, thiếu thốn, sơ sài.

- Công việc hàng ngày: *dịch sử Đảng*, dịch lịch sử Đảng Cộng Sản Liên Xô ra tiếng Việt, làm tài liệu học tập, tuyên truyền cách mạng.

1b. Nhận xét ngôn ngữ kể về cuộc sống sinh hoạt:

- Nhịp thơ (câu 1, 2): ngắt nhịp 4/3 chậm rãi.

- Giọng điệu: ung dung, thoải mái, vui đùa.

- Sử dụng ngôn ngữ: tự nhiên, giàu chất tạo hình.

1c. Nêu cảm nhận của em về:

- Cuộc sống sinh hoạt của Bác ở Pác Bó: Đạm bạc, tự chủ, gắn bó, chan hòa với thiên nhiên.

- Phong thái, tình cảm của Bác trước thiên nhiên: Ung dung tự tại, lạc quan, yêu thiên nhiên tha thiết.

2. Suy nghĩ tinh thần cách mạng lạc quan của Bác: “*Cuộc đời cách mạng thật là sang*”.

- Câu thơ cuối cùng là lời nhận xét, biểu hiện trực tiếp tâm trạng, cảm xúc của chủ thể trữ tình.

- “Sang”: + sang trọng, cao đẹp.

+ là cảm giác hài lòng vui thích.

- Những ngày ở Pác Bó, ăn, ở, làm việc đều gian khổ, khó khăn, thiếu thốn, nguy hiểm vô cùng nhưng Người vẫn luôn cảm thấy vui thích, giàu có, sang trọng.

-> Từ “*sang*” có thể coi là *thi nhãn, kết tinh, tỏa sáng tinh thần toàn bài thơ*, “*sang*” ở đây toát lên từ tư thế đĩnh đạc, đàng hoàng, từ niềm vui được cống hiến cho cách mạng, từ tinh thần lạc quan, yêu thiên nhiên của Người.

II. TIẾNG VIỆT:

Các câu cầu khiến và sự khác nhau về hình thức biểu hiện ý nghĩa cầu khiến:

a. *Thôi, các em lên đứng đây sắp hàng để vào lớp.*

Hình thức biểu hiện: ngữ điệu cầu khiến, câu có chủ ngữ, dấu chấm kết thúc câu.

⇒ lời yêu cầu với giọng điệu nhẹ nhàng.

b. Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khát...

Hình thức biểu hiện: ngữ điệu cầu khiến, câu có chủ ngữ, sử dụng từ “làm phúc”, dấu ba chấm kết thúc câu.

⇒ lời cầu xin tha thiết.

c. Thôi bây giờ nhân trời chưa sáng em hãy trốn ngay đi.

Hình thức biểu hiện: từ cầu khiến “hãy”, “đi”, có chủ ngữ, dấu chấm kết thúc câu.

⇒ lời khuyên tỏ ý thúc giục.

d. - Thôi, hai đứa liệu mà đem chia đồ chơi ra đi.

Hình thức biểu hiện: từ cầu khiến “đi”, câu có chủ ngữ, dấu chấm kết thúc câu.

⇒ lời yêu cầu.

- Chia ra!

. Hình thức biểu hiện: ngữ điệu cầu khiến, câu vắng chủ ngữ, dấu chấm than kết thúc câu.

⇒ lời ra lệnh.

III. TẬP LÀM VĂN:

Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Về hình thức:

- + Đảm bảo dung lượng, có trình tự mạch lạc.
- + Diễn đạt rõ ý; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Về nội dung:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần lựa chọn các ý chính để làm nổi bật nguồn gốc, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử của cầu Long Biên.

- Nguồn gốc, quá trình xây dựng.

- Đặc điểm nổi bật.

- Ý nghĩa lịch sử:

+ Ở thời điểm xây dựng, cầu là niềm tự hào của cả xứ Đông Dương thuộc địa. Người Pháp ca ngợi đó là “chiếc cầu nối liền hai thế kỷ”.

+ Chứng nhân lịch sử: cây cầu chứng kiến biết bao thăng trầm trong lịch sử của đất nước, của Hà Nội (dẫn chứng)

+ Cây cầu gắn bó với bao thế hệ người Hà Nội.

+ Là một di sản văn hóa, lịch sử mãi trường tồn.

⇒ Cầu Long Biên là một trong những biểu tượng tiêu biểu của thủ đô Hà Nội.